

Bản án số: 41/2020/HSST
Ngày: 01/7/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Duy Tỏi, Bà Nguyễn Thị Hoài.

- Thư ký phiên toà: Đào Quang Khuyến -Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2020/HSST-TL ngày 16 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST-HS ngày 19/6/2020 đối với:

1/ Bị cáo **Ngô Đức H**, sinh năm 1987; Nơi đăng ký HKTT: Thôn A, xã Q, huyện QP, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Bố đẻ: Ngô Đức T, sinh năm 1958; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1964; Gia đình có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Lê Thị S, sinh năm 1990; Có hai con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 173 ngày 29/12/2003 của TAND tỉnh Thái Bình xử phạt 05 năm tù về tội Cướp tài sản (Chấp hành xong bản án ngày 30/8/2006).

Bản án hình sự sơ thẩm số 20 ngày 25/9/2015 của TAND huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Chấp hành xong bản án ngày 30/4/2016).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/4/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương, có mặt tại phiên toà.

2/ Bị cáo **Nguyễn Hữu H1**, sinh năm 1990; Nơi đăng ký HKTT: Thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh T; Chỗ ở: Thôn K, xã L, huyện Đ, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Bố đẻ: Nguyễn Hữu T, sinh năm 1957; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; Gia đình có 3 anh chị em; bị cáo là con thứ ba; Vợ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1990; Con: Có hai con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

Người bị hại: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1989, có mặt,
Chị Phạm Thị T1, sinh năm 1992, xin vắng mặt.

HKTT: thôn L, xã N, huyện T, tỉnh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Lê Thị S, sinh năm 1990.

HKTT: thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh T, vắng mặt

Người làm chứng: - Chị Phạm Thị N, sinh năm 1994

- Anh Vũ Văn B, sinh năm 1964

HKTT : thôn L, xã N, huyện T, tỉnh H.

- Anh Nguyễn Mạnh H2, sinh năm 1960

HKTT: Khu 3, tổ 4 thị trấn Q, huyện Q, tỉnh T.

-Anh Trương Mạnh T2, sinh năm 1986

HKTT: thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh T.

Chị N, anh B, anh H2, anh T2 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngô Đức H cùng làm công nhân tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn GFT Unique ở thôn Tiêu Sơn, xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện với anh Vũ Văn T, sinh năm 1989 ở thôn L, xã N, huyện T, tỉnh H. Trước ngày 14/4/2020, H đến nhà anh T chơi thấy có nhiều tài sản nên nảy sinh ý định trộm cắp. Ngày 14/4/2020, H đến nhà Nguyễn Hữu H1 và nói với H1 “Ở Hải Dương có nhà làm cùng tao đi làm công ty hết không có người ở nhà, sang đây trộm cắp cùng tao”, H1 đồng ý, H hẹn H1 sáng ngày 16/4/2020 gặp nhau tại cổng Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình để đi đến nhà anh T. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 16/4/2020, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17B5-144.17 đi từ nhà đến cổng bệnh viện đợi H1, H1 đi xe bus đến đã thấy H đứng chờ. H1 và H đi về hướng cầu Hiệp, sang địa phận huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày đến nhà anh T, H dừng xe trước cổng, thấy cửa nhà anh T đóng, cổng khép hờ, H bảo H1 đứng ngoài cảnh giới, còn H đi vào trong sân, đi vòng ra phía sau, thấy cửa sau mở, H đi vào nhà rồi mở cửa chính cho H1 cùng vào. H và H1 lên tầng hai, vào phòng xăm hình, thấy có 01 máy xăm hình nhãn hiệu Stealth đang để trên giường xăm và 01 máy xăm hình màu xám trắng (không rõ nhãn hiệu) để dưới nền nhà, H nhặt chiếc túi nilon đưa cho H1, H1 mở miệng túi để H nhặt 02 máy xăm để vào trong túi. Sau đó, thấy trên giá cạnh tường có 20 lọ mực xăm đang dùng dở và 02 hộp kim xăm (trong có 56 kim xăm), H nhặt cho vào túi H1 đang cầm rồi cùng H1 đi xuống tầng 1, vào trong phòng ngủ cạnh cầu thang cùng lục tìm tài sản. H1 mở cánh tủ quần áo bên trái nhưng không tìm thấy tài sản nên xách túi nilon chứa máy xăm và kim xăm ra ngoài đường trước; H mở cánh tủ bên phải phát hiện thấy số tiền 13 triệu đồng (đều là tiền polime mệnh giá 100.000 đồng) cầm cất vào túi quần bên phải đang mặc rồi đi ra phòng khách, rút dây điện bê chiếc tivi nhãn hiệu LG, loại 49 inch màu đen trên kệ và cầm theo điều khiển ra ngoài chỗ H1 đang đợi. H1 điều khiển xe chở H ngồi sau ôm chiếc tivi đi về theo lối cũ. Khi đi trên đường, H đổi lái điều khiển xe chở H1 đến cửa hàng cầm đồ của anh Nguyễn Mạnh H2, sinh năm 1960 ở thị trấn Q, huyện Q, tỉnh T cầm cố chiếc tivi được 700.000đ rồi đi thuê phòng nghỉ ngủ trưa, thấy 02 lọ mực xăm bị đổ nên Hải vứt đi rồi mang 18 lọ mực, 02 máy xăm và 56 kim xăm đến bán cho anh Trương Mạnh T2, sinh năm 1986 ở thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh T được

500.000đ. Số tiền cầm cố ti vi và bán máy xăm hình H và H1 cùng nhau chi tiêu hết 500.000đ, còn 700.000đ chia nhau mỗi người 350.000đ, chi tiêu cá nhân hết. Số tiền 13.000.000đ trộm cắp được, H mang về nhà cất 12.400.000đ ở tủ quần áo, lấy ra 600.000đ để trong ví. Khi cơ quan điều tra triệu tập, H đã tự nguyện giao nộp số tiền 13.000.000đ.

Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐG ngày 27/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thanh Miện kết luận: 01 tivi nhãn hiệu LG 49UK6340PTF trị giá 6.000.000đ, 01 điều khiển ti vi trị giá 200.000đ, 20 lọ mực xăm hình nhãn hiệu Eternal Ink 30ml trị giá 3.600.000đ, 01 máy xăm hình nghệ thuật nhãn hiệu Stealth trị giá 800.000đ, 01 máy xăm hình trị giá 566.000đ và 56 kim xăm trị giá 200.000đ. Tổng trị giá tài sản của gia đình anh T bị chiếm đoạt là 24.366.000đồng.

Cơ quan điều tra quản lý và trả lại cho anh Vũ Văn T 01tivi nhãn hiệu LG, loại 49 inch màu đen kèm theo điều khiển; 01 máy xăm hình nhãn hiệu Stealth; 01 máy xăm hình không có nhãn hiệu; 18 lọ mực xăm, 56 kim xăm và số tiền 13 triệu đồng; Vợ chồng anh Vũ Văn T, chị Phạm Thị T1 không có yêu cầu bồi thường nào khác.

Tại bản cáo trạng số 46/VKS-HS ngày 15/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện đã truy tố bị cáo Ngô Đức H và Nguyễn Hữu H1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 BLHS.

Tại phiên toà Đại diện VKSND huyện Thanh Miện thực hành quyền công tố trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX: Tuyên bố các bị cáo Ngô Đức H và Nguyễn Hữu H1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 điều 173, điểm s khoản 1, 2 điều 51, điều 17, 58, điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Ngô Đức H từ 17 - 20 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/4/2020.

Áp dụng khoản 1 điều 173, điểm s, i khoản 1 điều 51, điều 17, 58, điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H1 từ 12 - 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về cho UBND xã M, huyện Đ, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự 02 lần trở lên thì Toà án có thể buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung : không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh T, chị T1 xác nhận đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu khác nên không giải quyết.

Về vật chứng: Thu giữ xe mô tô biển kiểm soát 17B5-114.17 là tài sản chung của bị cáo H và vợ là chị Lê Thị S, sinh năm 1990, các bị cáo sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội vì vậy tịch thu 1/2 giá trị xe mô tô phát mại sung ngân sách nhà nước, 1/2 giá trị xe trả lại chị S, đối với giấy chứng nhận đăng ký xe chuyên Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 điều 47 BLHS, điểm a khoản 2, khoản 3 điều 106 BLTTHS.

Về án phí: Áp dụng điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí ngày 25-11-2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Thanh Miện, Viện kiểm sát nhân dân huyện, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan Điều tra, lời khai người bị hại, vật chứng thu được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 16/4/2020, Ngô Đức H và Nguyễn Hữu H1 đã lén lút vào nhà anh Vũ Văn T, chị Phạm Thị T1 ở thôn L, xã N, huyện T, tỉnh H trộm cắp 01 ti vi nhãn hiệu LG loại 45inch, 01 điều khiển ti vi, 02 máy xăm hình, 20 lọ mực xăm, 56 kim xăm và số tiền 13 triệu đồng. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt của gia đình anh T là 24.366.000 đồng.

[3]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, hai bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, lỗi cố ý trực tiếp, tài sản trộm cắp trị giá 24.366.000đ. Vì vậy hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 173 BLHS, quyết định truy tố của VKSND huyện Thanh Miện đối với hai bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: hai bị cáo cùng trộm cắp nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quá trình khai báo luôn thành khẩn, ăn năn hối lỗi hành vi đã phạm, có thái độ hợp tác với cơ quan điều tra trong việc khai báo, chỉ nơi cầm cố, bán tài sản trộm cắp, tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho vợ chồng anh T, chị T1, tại phiên tòa anh T đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H, bị cáo H1 lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS. Bị cáo H1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 điều 51 BLHS.

Bị cáo H tuy có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng nhân thân xấu vì đã hai lần bị xét xử nhưng vẫn tiếp tục phạm tội, là người đề xuất, chỉ dẫn và thực hành tích cực, trực tiếp trộm cắp số tiền 13.000.000đ không cho H1 biết vì vậy cần có hình phạt nghiêm cách ly xã hội một thời gian để bị cáo biết cải tạo mình thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo H1 bị H rủ rê lôi kéo, thực hành theo sự chỉ dẫn của H với vai trò đồng phạm, lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trước khi phạm tội có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, việc phạm tội do bị rủ rê, lôi kéo, có nơi cư trú rõ ràng, Hội đồng xét xử thấy chưa cần thiết cách ly bị cáo mà cho cải tạo tại địa phương cũng đủ để giáo dục và phòng ngừa chung đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Giao bị cáo về cho UBND xã M, huyện Đ, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, *nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Hai bị cáo hoàn cảnh gia đình còn khó khăn, nghề nghiệp không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: anh T, chị T1 xác nhận đã nhận lại tài sản bị cáo trộm cắp, không có yêu cầu nào khác nên không giải quyết.

[7]. Vật chứng: Thu giữ xe mô tô biển kiểm soát 17B5-114.17, số máy C12E-5215648, số khung 1212DY215571 là tài sản chung của bị cáo H và vợ là chị Lê Thị S, chị S hiện lao động tại nước ngoài nhưng cần xác định đây là tài sản thuộc sở hữu chung của H và chị S, chị S không biết bị cáo H dùng xe làm phương tiện trộm cắp vì vậy tịch thu 1/2 giá trị xe phát mại sung ngân sách nhà nước, 1/2 giá trị xe trả lại chị S, đối với giấy chứng nhận đăng ký xe chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện giải quyết theo thẩm quyền.

Ngoài số tài sản Ngô Đức H và Nguyễn Hữu H1 trộm cắp vào ngày 16/4/2020, gia đình anh T trình báo còn mất 01 máy xăm hình không rõ nhãn hiệu, 10 lọ mực xăm và số tiền 25 triệu đồng, quá trình điều tra không xác định được nguồn gốc tài sản, không xác định được thời gian, đối tượng trộm cắp tài sản, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh nên không xem xét trong vụ án này.

Số tiền 700.000đồng anh Nguyễn Mạnh H2 cầm cố ti vi và 500.000đồng anh Trương Mạnh T2 mua máy xăm, mực xăm và kim xăm, anh H2 và anh T2 tự nguyện cho các bị cáo, không yêu cầu hoàn trả nên không xem xét.

[8]. Về án phí: Các bị cáo có hành vi phạm tội phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố: Các bị cáo Ngô Đức H và Nguyễn Hữu H1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 17, 58, điều 38 BLHS với bị cáo H; áp dụng khoản 1 điều 173, điểm b, i, s khoản 1 điều 51, điều 17, 58, khoản 1,2,5 điều 65 BLHS với bị cáo H1; điểm a khoản 1, khoản 2 điều 47 BLHS, điểm a khoản 2, khoản 3 điều 106 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25-11-2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-

12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt Ngô Đức H 17 (Mười bảy) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 19/4/2020.

Xử phạt Nguyễn Hữu H1 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 01/7/2020).

Giao bị cáo H1 về cho UBND xã M, huyện Đ, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

2.Về vật chứng: Tịch thu 1/2 giá trị xe mô tô biển kiểm soát 17B5-114.17, số máy C12E-5215648, số khung 1212DY215571 là tài sản chung của bị cáo H và vợ là chị Lê Thị S phát mại sung ngân sách nhà nước, 1/2 giá trị xe trả lại chị S, đối với giấy chứng nhận đăng ký xe chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện giải quyết theo thẩm quyền.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/6/2020 giữa Công an huyện Thanh Miện và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện).

3.Về án phí: Bị cáo Ngô Đức H, Nguyễn Hữu H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4.Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 331, điều 333 BLTTHS, các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án phần có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương.
- Trại giam Công an tỉnh Hải Dương.
- CQCSĐT Công an Thanh Miện;
- CQTHAHS Công an tỉnh Hải Dương ;
- Chi cục THADS Thanh Miện,
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương ;
- Người tham gia tố tụng,
- Lưu hồ sơ

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Xuân Thành